TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 31/01/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hồng;

Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2017/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 85/TB-TA ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 6, thôn H, xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Vũ Thị G (tên gọi khác Vũ Thị Tố), sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị G ngày 17/12/2014, đăng ký tại UBND xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chưa tổ chức lễ cưới, chị G chỉ đến nhà anh chơi vài ngày khi đăng ký rồi yêu cầu về quê vợ ở nhưng anh không đồng ý, từ đó chị G bỏ đi hai bên chỉ thi thoảng liên lạc điện thoại với nhau. Năm 2015 anh đã gửi đơn xin ly hôn đến TAND huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội để giải quyết, sau đó chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường nơi chị G cư trú. Do chị G không đến Tòa giải quyết nên anh đã xin rút đơn, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Đến nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị G.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vũ Thị G (tên gọi khác Vũ Thị Tố) vắng mặt không tham gia tố tụng, không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, người làm chứng là ông Vũ A (tên gọi khác Vũ Văn T) trình bày:

Ông là anh ruột chị Vũ Thị G, chị G còn có tên gọi khác là T. Chị G có một con riêng là cháu D, sinh năm 1995 đang đi làm tự do tại Hà Nội. Hai mẹ con chị G có nhà đất tại Xóm 11, xã X, huyện X có nguồn gốc do bố mẹ đẻ ông (đều đã chết) để lại cho. Chị G và cháu D thường xuyên đi làm ăn xa, nhà khóa cửa không có ai trông coi, chỉ thi thoảng có công việc thì mẹ con chị G mới về nhà ít ngày rồi lại đi làm, ông không biết địa chỉ nơi làm việc của mẹ con chị G.

Việc anh Q và chị G tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn khi nào không báo cáo gia đình nên ông không biết, anh Q cũng không về nhà chị G ở. Khoảng hơn 01 năm nay gia đình ông nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án gửi cho chị G, chị G có về nhà biết anh Q xin ly hôn nhưng nói không đến Tòa án giải quyết, lý do không đến ông không biết. Nay anh Q làm đơn xin ly hôn chị G, gia đình ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án quyết định theo pháp luật.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, UBND xã X đã cung cấp:

Theo Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của xã X thì ngày 15/12/2014 UBND xã X có cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị Vũ Thị G để chị G làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Q tại xã C, huyện B, Hà Nội. Do anh Q, chị G không sinh sống tại địa phương nên không biết được nguyên nhân mâu thuẫn. Chị G có một con riêng là cháu Vũ Văn D, sinh năm 1995. Hai mẹ con chị G có nhà ở tại Xóm 11, xã X và vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng thường xuyên đi làm ăn xa. UBND xã đã giao giấy triệu tập của Tòa án thông qua người thân thích của chị G. Quan điểm của UBND xã X đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q đối với chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q có đơn xin ly hôn chị Vũ Thị G, bị đơn chị Vũ Thị G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Đây là quan hệ pháp luật về " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến và yêu cầu gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn Q và chị Vũ Thị G có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đã đăng ký kết hôn ngày 17/12/2014 tại UBND xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội.

Theo lời khai của anh Nguyễn Văn Q thì mâu thuẫn vợ chồng đã nảy sinh ngay sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chưa tổ chức lễ cưới tại gia đình thì đã xảy ra bất đồng quan điểm về lựa chọn nơi vợ chồng chung sống, từ đó hai bên sống riêng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị Vũ Thị G không đến hòa giải và cũng không cho biết ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh Q, điều đó chứng tỏ chị G cũng không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc. Kết quả xác minh tại UBND xã X và lời khai của người làm chứng cũng xác định mâu thuẫn giữa anh Q và chị G đã xảy ra từ lâu, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Như vậy thực trạng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng kéo dài từ nhiều năm nay, nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q trình bày vợ chồng chưa có con chung và không có yêu cầu gì nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Văn Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với ai và không yêu cầu giải quyết khi ly hôn. Do chị Vũ Thị G không tham gia tố tụng, không có ý kiến và yêu cầu khởi kiện của anh Q nên Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết về vấn đề tài sản, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Vũ Thị G (tên gọi khác Vũ Thị Tố);

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Q đã nộp theo Biên lai thu số 0000598 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên